| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TAM BÌNH**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12-03-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Tám

Ông Nguyễn Hoàng Tiến

*Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long*: Không tham gia phiên toà.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 538/2019/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T1, sinh năm 1982 – có mặt

Nơi ĐKHKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986 – vắng mặt

Nơi ĐKHKTT: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị T1 trình bày:

Về hôn nhân chị T1 và anh T2 qua quen biết tự nguyện sống với nhau như vợ như chồng vào năm 2015, không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 năm thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và ly thân sau cùng từ năm 2016 cho đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T1 là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cự cãi với nhau. Hơn nữa, anh T2 còn thường xuyên đánh đập chị T1, mặc dù chị T1 có cố gắng vun đắp tình cảm nhưng anh T2 vẫn không thay đổi nên làm mất hạnh phúc gia đình và không thể hàn gắn với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh Chúc M, sinh ngày 16/10/2017, hiện đang do chị T1 chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị T1 giữ yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T2; Về con chung: Chị T1 yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thanh Chúc M, sinh ngày 16/10/2017, yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000đồng theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản ý kiến gì phản bác hay yêu cầu phản tố gì khác đối với yêu cầu của chị T1.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh T2 đã được Tòa án tống đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án cho anh T2 đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T2 không đến và vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay chị T1 giữ yêu cầu ly hôn với anh T2; Chị T1 yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thanh Chúc M, sinh ngày 16/10/2017, yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000đồng theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T2 vắng mặt không lý do và không có văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị T1 và anh T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Vĩnh Long là đúng theo quy định pháp luật. Nên việc chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T2 là có cơ sở xem xét.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có sự thông cảm cùng nhau, gặp nhau là cự cãi làm mất đi hạnh phúc gia đình, mặc khác anh T2 còn có hành vi bạo lực gia đình với chị T1. Hơn nữa, trong thời gian ly thân cả chị T1 và anh T2 đều không liên lạc với nhau, cả hai đều xem nhẹ tình cảm vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn không về đoàn tụ lại được. Hiện nay tình cảm vợ chồng chị T1 dành cho anh T2 không còn nữa và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T2.

Tại phiên tòa hôm nay anh T2 vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh T2 đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về ngày xét xử vụ án hợp lệ đúng theo quy định nhưng anh T2 vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu của chị T1 thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay chị T1 xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh T2 không còn nữa. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1 đối với anh T2 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.2] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị T1 yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thanh Chúc M, sinh ngày 16/10/2017, yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay anh T2 vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh T2 đã được Tòa án thông báo về yêu cầu nuôi con của chị T1 nhưng anh T2 không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu này của chị T1 thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy, từ khi chị T1 và anh T2 ly thân nhau đến nay thì cháu M do chị T1 chăm sóc nuôi dưỡng, anh T2 cũng không có tới lui thăm nom con, gửi tiền về lo cho con. Hơn nữa, căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, cháu Nguyễn Thanh Chúc M, sinh ngày 16/10/2017 dưới 36 tháng tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T1. Giao cháu Nguyễn Thanh Chúc M, sinh ngày 16/10/2017 cho chị T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 745.000đồng. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị T1 là có cơ sở xem xét và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Từ đó xét chấp nhận yêu cầu của chị T1. Buộc anh Nguyễn Văn T2 cấp dưỡng nuôi con là cháu M mỗi tháng 745.000đồng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật được đưa ra thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Anh T2 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Xét về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[2.4] Xét về nợ chung: Chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T1 phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0012253, ngày 03 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Nguyễn Văn T2 phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Vĩnh Long

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng vào Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T1.

Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị T1 ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Chúc M, sinh ngày 16/10/2017 cho chị T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn T2 cấp dưỡng cho cháu M mỗi tháng 745.000đồng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật được đưa ra thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Anh Nguyễn Văn T2 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Xét về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T1 phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0012253, ngày 03 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Nguyễn Văn T2 phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Vĩnh Long

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận** :
- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện C : 02
- THADS huyện C: 01
- Nơi đăng ký kết hôn
- Đương sự
- Lưu: 03

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Nguyễn Thị Tuyết Sương**